

Bản án số: 147/2018/DS-ST

Ngày: 24/10/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Thanh
- Ông Mai Tấn Lộc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 98/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1970 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp 07, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG.

- Bị đơn: chị Trần Thị Ch, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 7, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt)

- Địa chỉ: ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị Trần Thị Ch có tham gia chơi 2 phần hụi do chị làm đầu thảo, hụi khui vào vụ Đông Xuân (Khoảng tháng giêng năm 2012) có 10 phần, mỗi phần hụi chết 3.000.000đ (sống đóng 2.000.000đ), mỗi vụ lúa khui 01 lần, 02 phần hụi chị Ch đều đã hốt và còn nợ tiền hụi chết là 6.000.000đ. Ngoài ra, vào vụ Đông Xuân (khoảng tháng giêng năm 2013), chị Ch có nhờ chị Nguyễn Thị Thu H đăng ký chơi dùm 01 phần hụi do chị làm đầu thảo và còn nợ chị số tiền 4.000.000đ. Tổng cộng hai dây hụi chị Ch còn nợ chị là 10.000.000đ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị Ch trả cho chị số tiền 10.000.000đ

Tại tờ tự khai ngày 26/3/2018 và lời trình bày tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Ch trình bày: Chị không thừa nhận có nợ chị T số tiền hụi nào và cũng không có nhờ chị Hà chơi hụi với chị T nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại tờ tự khai ngày 26/3/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào năm 2013 chị có tham gia chơi 02 phần hụi do chị T làm đầu thảo, hụi có 11 phần, hụi sống đóng 4.000.000đ, hụi chết đóng 6.000.000đ. Do chị có nợ chị Ch số tiền 4.000.000đ nên khi chị Ch biết chị hốt hụi đầu chị Ch đã đòi tiền chị, chị đã dẫn chị Ch đến gặp chị T và hỏi đăng ký chơi thêm 01 phần trong dây hụi này, sau đó cản trừ số tiền nợ 4.000.000đ chị nợ chị Ch vào phần hụi mới tham gia thêm, nhưng đến lần khui hụi thứ 2 thì chị Ch bỏ hụi không chơi nữa và tự cản trừ số tiền 4.000.000đ nợ chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt đương sự nên trên.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện bị đơn chị Trần Thị Ch về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Chị Trần Thị T khởi kiện đòi chị Trần Thị Ch trả số tiền hụi 10.000.000đ có cung cấp chứng cứ là các danh sách hụi do chị T tự viết để theo dõi khi tham gia góp hụi để chứng minh, cụ thể là danh sách hụi khui vào vụ Đông xuân năm 2012 và danh sách hụi khui vào năm 2013, nhưng giấy hụi này không được chị Ch thừa nhận, chị Ch cũng không có ký tên trong danh sách hụi. Đối với phần hụi khui vào năm 2012, chị Ch không thừa nhận có nợ tiền hụi chết chị T số tiền 6.000.000đ, chị T cũng không có chứng cứ nào thể hiện chị Ch có nợ chị số tiền này, đồng thời đối với phần hụi khui vào năm 2013 cũng không thể hiện chị Ch có tham gia góp hụi cùng chị T và chị Ch cũng không thừa nhận nợ chị T số tiền 4.000.000đ trong dây hụi này, chị T cũng không có chứng cứ nào chứng minh chị Ch tự ý cản trừ của chị số tiền 4.000.000đ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đòi chị Trần Thị Ch trả số tiền hụi 10.000.000đ

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15310 ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên phải nộp tiếp 250.000đ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHA DS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan